

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2024
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình:
Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Phước và bà Diệp Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Hương – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 2 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 472/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 2 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Dương Hữu L, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang; Số điện thoại: 0933.494.654.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Cúc H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang; Số điện thoại: 0398.866.447.

Tại phiên tòa, anh Dương Hữu L có mặt, chị Trần Thị Cúc H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là Anh Dương Hữu L trình bày: Anh và chị Trần Thị Cúc H do tự tìm hiểu rồi chung sống với nhau từ năm 2007, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung tên Dương Hoàng Vĩ K, sinh ngày 08/12/2008 và Dương Hoàng Nhất T, sinh ngày 25/6/2014. Tuy nhiên đến năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, chị H lại

cờ bạc bán hết nữ trang không lo cho gia đình. Mặc dù, anh đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị **H** vẫn không thay đổi.

Nay, anh **Dương Hữu L** nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Anh **Dương Hữu L** yêu cầu được ly hôn chị **Trần Thị Cúc H**;

Về con chung: Có hai con chung tên **Dương Hoàng Vĩ K**, sinh ngày 08/12/2008 và **Dương Hoàng Nhất T**, sinh ngày 25/6/2014. Khi ly hôn anh **Dương Hữu L** đồng ý giao các con chung cho chị **H** nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 20/02/2024, bị đơn là chị **Trần Thị Cúc H** trình bày:

Về quá trình hôn nhân chị thống nhất với trình bày của anh **Dương Hữu L**. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh **Dương Hữu L** thì chị có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Chị **Trần Thị Cúc H** đồng ý ly hôn với anh **Dương Hữu L**.

Về con chung: Có hai con chung tên **Dương Hoàng Vĩ K**, sinh ngày 08/12/2008 và **Dương Hoàng Nhất T**, sinh ngày 25/6/2014. Khi ly hôn, chị **Trần Thị Cúc H** yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung; yêu cầu Anh **Dương Hữu L** cấp dưỡng cho hai con 4.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh **Dương Hữu L** trình bày: Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị **Trần Thị Cúc H**; đồng ý giao hai con chung tên **Dương Hoàng Vĩ K**, sinh ngày 08/12/2008 và **Dương Hoàng Nhất T**, sinh ngày 25/6/2014 cho chị **Trần Thị Cúc H** nuôi dưỡng, về cấp dưỡng anh **L** đồng ý cấp dưỡng cho 02 con chung 2.000.000 đồng/tháng; về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn chị **Trần Thị Cúc H** vắng mặt nên không ghi được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Dương Hữu L**.

Về hôn nhân: Anh **Dương Hữu L** được ly hôn với chị **Trần Thị Cúc H**.

Về con chung:

Giao hai con chung tên **Dương Hoàng Vĩ K**, sinh ngày 08/12/2008 và **Dương Hoàng Nhất T**, sinh ngày 25/6/2014 cho chị **Trần Thị Cúc H** nuôi dưỡng, anh **Dương Hữu L** cấp dưỡng cho hai con **mỗi tháng 2.000.000 đồng**.

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về chi phí tố tụng và án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Anh **Dương Hữu L** và chị **Trần Thị Cúc H** chung sống với nhau có đăng ký kết hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số **13/2007**, do Ủy ban nhân dân xã **V**, huyện **T**, tỉnh **An Giang** cấp ngày **03 tháng 4 năm 2007**). Chị **Trần Thị Cúc H** có địa chỉ thường trú tại: **Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Anh **Dương Hữu L** khởi kiện yêu cầu ly hôn chị **Trần Thị Cúc H**; đồng ý giao hai con chung cho chị **Trần Thị Cúc H** nuôi dưỡng và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

Tại phiên tòa, anh **Dương Hữu L** có mặt, chị **Trần Thị Cúc H** vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Xét việc tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh **Dương Hữu L** và chị **Trần Thị Cúc H** xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày **03/4/2007** tại Ủy ban nhân dân xã **V**, huyện **T**, tỉnh **An Giang** theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Anh **Dương Hữu L** cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, chị **H** lại cờ bạc bán hết nữ trang không lo cho gia đình. Mặc dù, anh đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị **H** vẫn không thay đổi. Chị **Trần Thị Cúc H** cũng đồng ý ly hôn cho thấy hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh **Dương Hữu L** được ly hôn với chị **Trần Thị Cúc H**.

[2.2] Về con chung:

Ghi nhận anh Dương Hữu L và chị Trần Thị Cúc H có hai con chung tên Dương Hoàng Vĩ K, sinh ngày 08/12/2008 và Dương Hoàng Nhất T, sinh ngày 25/6/2014, hiện tại cháu K và cháu T đang sống cùng chị H. Quá trình giải quyết vụ án cháu K, cháu T cũng có nguyện vọng muốn tiếp tục sống cùng với chị H. Đồng thời, anh L cũng đồng ý giao cháu K và cháu T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, việc giao cháu K, cháu T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết để không làm ảnh hưởng cuộc sống của cháu.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Dương Hữu L giao hai cháu Dương Hoàng Vĩ K và Dương Hoàng Nhất T cho chị Trần Thị Cúc H tiếp tục nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án anh Dương Hữu L chỉ đồng ý cấp dưỡng cho hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Chị Trần Thị Cúc H yêu cầu anh Dương Hữu L cấp dưỡng cho hai con là mỗi tháng là 4.000.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ cấp dưỡng, cụ thể:

“... Điều 110. Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con

Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con...”

Anh Dương Hữu L không sống chung với cháu Dương Hoàng Vĩ K và cháu Dương Hoàng Nhất T nên anh Dương Hữu L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Dương Hoàng Vĩ K và cháu Dương Hoàng Nhất T.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về mức cấp dưỡng, cụ thể:

“...Điều 116. Mức cấp dưỡng

1. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết...”

Anh Dương Hữu L và chị Trần Thị Cúc H không thỏa thuận được về mức cấp dưỡng nên mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định. Xét thấy, anh L hiện tại chưa có việc làm nhưng vẫn đồng ý cấp dưỡng cho hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Việc cấp dưỡng cần dựa vào khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh Dương Hữu L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Dương Hoàng Vĩ K và cháu Dương Hoàng Nhất T mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Dương Hoàng Vĩ K và cháu Dương Hoàng Nhất T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[2.4] Về tài sản chung:

Anh **Dương Hữu L** và chị **Trần Thị Cúc H** thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung:

Anh **Dương Hữu L** và chị **Trần Thị Cúc H** thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Như các phân tích nêu trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, và 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh **Dương Hữu L**.

1. Về hôn nhân: Anh **Dương Hữu L** được ly hôn với chị **Trần Thị Cúc H**.

2. Về con chung: Giao cháu **Dương Hoàng Vĩ K**, sinh ngày 08/12/2008 và cháu **Dương Hoàng Nhất T**, sinh ngày 25/6/2014 cho chị **Trần Thị Cúc H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **Dương Hữu L** có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu **Dương Hoàng Vĩ K** và cháu **Dương Hoàng Nhất T** mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **Dương Hoàng Vĩ K** và cháu **Dương Hoàng Nhất T** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh **Dương Hữu L** và các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của chị **Trần Thị Cúc H**. Chị **Trần Thị Cúc H** và các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh **Dương Hữu L** trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản:

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận anh Dương Hữu L và chị Trần Thị Cúc H xác định không có nợ chung. Tuy nhiên, sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì anh Dương Hữu L và chị Trần Thị Cúc H phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Anh Dương Hữu L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012169 ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn. Anh Dương Hữu L còn phải nộp thêm 300.000 đồng. Chị Trần Thị Cúc H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn (1);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn (1);
- Ủy ban nhân dân xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Trí Nguyên